

Bản án số: 41/2022/HS-PT
Ngày: 30/03/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Ông Nguyễn Trọng Quê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 51/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo: Phan Thanh P, Nguyễn Hồng D, Đỗ Thị H, Lâm Văn Bảy E, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2021/HS-ST ngày 05 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Phan Thanh P, tên gọi khác: Tư Râu, giới tính: Nam, sinh năm: 1973, nơi sinh: Cà Mau; nơi cư trú: Ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ học vấn: 11/12. Con ông Phan Văn An (chết) và bà Huỳnh Thị Đê (còn sống). Vợ: Nguyễn Ngọc Ánh (đã ly hôn); con: Phan Hoàng Phấn, sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không. Bắt tạm giam ngày 18/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Hồng D, giới tính: Nữ, sinh năm: 1982, nơi sinh: Cà Mau; nơi cư trú: 200, đường Kinh Tinh đội, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Mua bán, trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Chiến Đấu và bà Lương Thị Bạch Tuyết (chết); chồng: Phùng Hoàng Huy, sinh năm 1982 (đã ly hôn); con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Cầm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/4/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đỗ Thị H, tên gọi khác: Út giới tính: Nữ, sinh năm: 1985, nơi sinh: Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Thạnh An, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, nghề nghiệp:

Làm thuê, trình độ học vấn: Không biết chữ, chỉ biết đọc, viết họ tên; con ông Đỗ Tấn Minh (chết) và bà Đặng Thị Sa ; Chồng: Lương Quốc Tam (Hiên), sinh năm 1979; Con: Lương Trọng Đức, sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Cầm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 11/5/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lâm Văn Bảy E, giới tính: Nam, sinh năm: 1955, nơi sinh: Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Nhân Dân B, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Ấp Hữu Thời, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ học vấn: 2/12; con ông Lâm Văn Sáu (chết) và bà Trương Thị Lộc (chết); Vợ: Huỳnh Thị Thao, sinh năm 1969; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không. Cầm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 11/5/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo kháng cáo, đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa, Tòa án không triệu tập:

1. Họ và tên: Dương Ngọc T, giới tính: Nữ, sinh năm: 1958, nơi sinh: Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Họ và tên: Phùng Duy T, giới tính: Nam, sinh năm: 1986, nơi sinh: Cà Mau nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau; chỗ ở: Ấp Tân Điền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập:

1. Họ và tên: Lâm Văn S, tên gọi khác: Lê Văn S, Tèo, Tèo Nhỏ, giới tính: Nam, sinh năm: 1989, nơi sinh: Sóc Trăng; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Trung Nhất, xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Khóm 4, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Họ và tên: Huỳnh Tấn T, giới tính: Nam, sinh năm: 1988, nơi sinh: Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 2, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người bào chữa:

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng D: Luật sư Ngô Đình Chiến - Văn phòng luật sư Ngô Đình Chiến, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị H: Luật sư Lê Minh Châu - Văn phòng luật sư Lê Minh Châu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn Bảy E: Luật sư Trần Chí Thiện là luật sư của Công ty Luật TNHH một thành viên Công Hùng và Cộng Sự (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Lâm Văn Bảy E, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Ấp Hữu Thời, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (đồng thời là bị cáo trong vụ án, có mặt).

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp Thạnh An, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (đồng thời là bị cáo trong vụ án, có mặt).

3. Bà Lâm Hồng T, sinh năm 1964; Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

- Nguyên đơn dân sự:

1. Ông Huỳnh Vĩnh T, sinh năm 1963 – Chủ DNTN Thành Trung I (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 139F, đường Nguyễn Tất Thành, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Tô Mỹ D, sinh năm: 1972 – Chủ DNTN Quang Sáng (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 114, đường Nguyễn Công Trứ, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 07/6/2019 Lâm Văn Bảy E cùng với Đỗ Thị H đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau để thăm con của Lâm Hồng T đang nằm điều trị ở Bệnh viện. Trong lúc nói chuyện Bảy E, H, T cùng rủ nhau đi mua số đề, Bảy E lấy giấy và viết ra ghi số tiền, con số cần mua của đài Trà Vinh mở thưởng ngày 07/6/2019.

Trong phôi số Bảy E nhớ số tiền và con số mua cụ thể như sau:

- Con số 13 (số đầu là 50.000đ và số đuôi là 50.000đ) thành tiền là 100.000đ; Con số số 19 (số đầu là 1.700.000đ và số đuôi là 1.700.000đ) thành tiền là 3.400.000 đồng; Con số 75 (số đầu là 500.000 đồng và số đuôi là 500.000đ) thành tiền là 1.000.000 đồng; Con số 89 (số đầu là 1.500.000đ và số đuôi là 1.500.000đ) thành tiền là 3.000.000đ. Tổng cộng số đầu và số đuôi là 7.500.000đ.

- Số lô 2 con mua 5 con số (không nhớ rõ con số gì). Trong đó 3 con số mua mỗi con 10.000 đồng và 2 con số mua mỗi con 15.000 đồng cụ thể như sau: 3 con số lô 2 con mỗi con mua 10.000 đồng thành tiền là 30.000 đồng x 18 = 540.000 đồng; 2 con số lô 2 con mỗi con mua 15.000 đồng thành tiền là 30.000 đồng x 18 = 540.000 đồng. Tổng cộng số lô 2 con là 1.080.000đ.

Tổng số tiền mua số đầu, số đuôi và số lô 2 con là 8.580.000đ.

Lúc này H đưa cho Bảy E 1.400.000đ để hùn với Bảy E mua số, các con số cần mua do Bảy E quyết định, số 89 (số đầu) thì Bảy E cho H hùn mua với số tiền là 200.000đ. Đến 14 giờ cùng ngày, Bảy E, H và T đi đến quán nhậu 59K của Dương Ngọc T ở số 200, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau để mua số đề. Tại đây Bảy E đưa cho T phôi số, T cộng tiền phôi số đề Bảy E trả tiền mua số. H mua thêm 10.000đ số lô con số 19, với số tiền trả cho T là 180.000đ. T mua nhiều con số nhưng không nhớ rõ con số nào, với số tiền là 160.000đ.

Đến 17 giờ cùng ngày khi có kết quả xổ số đài Trà Vinh thì Bảy E và H trúng con số 89, số đầu với số tiền là 1.500.000đ x 70 lần thành tiền là

105.000.000đ. Riêng H trúng con số 19, số lô 2 con với số tiền là 10.000đ thành tiền là 800.000 đồng. Lúc này, Bảy E, H, T đến nhà T để nhận tiền trúng số. T kiểm tra phôi số và trả trước tiền trúng số cho Bảy E 45.000.000đ, còn nợ lại 60.000.000đ. T ghi ở phía sau phôi số bằng tờ giấy tập học sinh còn nợ lại 60.000.000đ, đồng thời trả cho H 800.000đ tiền trúng số con số 19, lô 2 con.

Tiếp đó, Bảy E hỏi mua các con số 24, 36, 75 và 2 cặp số (không nhớ rõ con số nào) số đầu, số đuôi, số lô của đài Miền Bắc xổ vào buổi tối với tổng cộng số tiền là 5.000.000đ, nhưng T không đồng ý nhận phôi số. Nhận tiền trúng số xong, Bảy E, H, T đi về nhà thì Bảy E đưa lại cho H 14.000.000đ tiền trúng số con số 89, số đầu và nói H hùn với Bảy E 200.000đ mua con số 89. Bảy E cho T 6.000.000đ để chữa bệnh cho con.

Ngoài ra, Bảy E còn khai nhận các ngày trước đó đã mua của T nhiều con số, không nhớ rõ con số nào, đài nào và đã trúng số. Qua đối chiếu với T chưa thừa nhận có bán số cho Bảy E các ngày trước đó.

Hành vi đánh bạc của Lâm Văn Bảy E, Đỗ Thị H tham gia chơi số đề với Dương Ngọc T sau khi đối chiếu với kết quả số số đài Trà Vinh ngày 07/6/2019, xác định số tiền dùng đánh bạc của Lâm Văn Bảy E, Đỗ Thị H, Dương Ngọc T được xác định như sau:

- Số tiền dùng để đánh bạc của Lâm Văn Bảy E: Số đầu, số đuôi là 7.500.000đ + số lô 2 con là 1.080.000đ + số tiền trúng con số 89, số đầu là 105.000.000đ = 113.580.000đ.

- Số tiền dùng để đánh bạc của Đỗ Thị H: Số đầu, số đuôi là 7.500.000đ + số lô 2 con là 1.080.000đ + con số 19, số lô 2 con là 180.000đ + số tiền trúng con số 89, số đầu là 105.000.000đ + số tiền trúng con số 19, số lô 2 con là 800.000đ = 114.560.000đ.

- Số tiền dùng để đánh bạc của Dương Ngọc T: Số tiền mua số đề của Lâm Văn Bảy E là 8.580.000đ + số tiền mua số đề của Đỗ Thị H là 180.000đ + số tiền mua số đề của Lâm Hồng T là 160.000đ + số tiền trúng con số 89, số đầu của Bảy E là 105.000.000đ + số tiền trúng con số 19, số lô 2 con của H là 800.000đ = 114.720.000đ.

Dương Ngọc T do không muốn trả tiền trúng số còn lại cho Bảy E nên đã điện thoại cho Phan Thanh P cho rằng Bảy E chơi số gian lận, T kêu P can thiệp dừng cho Bảy E lấy tiền trúng số còn lại là 60.000.000đ. Đồng thời đòi lại số tiền trúng số đã trả trước đó 45.000.000đ, thì T sẽ cho P 2% số tiền đòi được và đãi P một châu nhậu. P đồng ý. T điện thoại cho Bảy E hẹn đến nhà T để nhận số tiền trúng số còn lại và đồng thời T thông báo cho P biết sự việc. Đến khoảng 9 giờ ngày 09/9/2019, Bảy E đến nhà T để nhận tiền trúng số còn lại.

Đối với Lâm Văn Bảy E sau khi nhận tiền trúng số 45.000.000đ đã nhiều lần điện thoại cho T để đòi số tiền trúng số còn lại. Đến sáng ngày 09/9/2019 Bảy E hẹn với H và T uống cà phê ở quán Suối Đá thuộc khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau. Khi T điện thoại kêu đến lấy tiền trúng số còn lại, thì Bảy E đi đến nhà của T nhưng không có T ở nhà. Bảy E đến quán cà phê cách nhà T 200 mét uống

cả phê đề đợi T. Trong lúc uống cà phê thì Bầy E gặp Lâm Văn S, Trần Chí Nguyên, Huỳnh Tấn T. Tại đây Bầy E nói với Lâm Văn S là trúng số mà người ta chưa chung đủ và đồng thời đưa tờ phôi số có chữ viết của T ghi còn nợ lại 60.000.000đ cho S xem. Tiếp đó Bầy E nói với S, Nguyên, T đi với Bầy E đến nhà T bệnh vực Bầy E để Bầy E lấy tiền trúng số còn lại sẽ cho tiền cả 3 tiêu xài. Nghe Bầy E nói thì cả 3 đồng ý.

Sau đó, Bầy Em đi đến nhà T thuộc khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau để lấy tiền trúng số còn lại. Khi Bầy E đến nhà T thì có Phan Thanh P, Dương Ngọc T, Nguyễn Hồng D, Phùng Duy T và Nguyễn Thị Lượng. Lúc này T và P cự cãi với Bầy E về việc cho rằng Bầy E chơi số gian lận. T chửi nhiều lần Bầy E: Thằng già khôn nạn đi lừa đảo tao; D dùng nhiều lời lẽ chửi Bầy E: Già rồi thấy cũng hiền mà đi lừa đảo người ta. Đồng thời, T và D buộc Bầy E phải trả lại tiền trúng số đã trả trước đó. Tiếp đó P dùng nhiều lời lẽ thô tục chửi Bầy E chơi số gian lận và P kêu Bầy E trả lại tiền trúng số, nếu không trả sẽ cắt lỗ tai, bẻ chân Bầy E. Lúc này Bầy E điện thoại cho Trần Chí Nguyên kêu Nguyễn, Lâm Văn S và Huỳnh Tấn T đến nhà T để bệnh vực Bầy E đòi lại tiền trúng số.

Khi thấy S, T, Nguyễn đến, theo sự nhờ vả của Bầy E, sợ S, T, Nguyễn giúp Bầy E sẽ gặp khó khăn, nên P đến gặp T, Nguyễn, S nói chuyện: tụi mày đứng bên ngoài đi, đừng giúp ông Bầy E, tao đòi tiền lại được sẽ cho tụi mày 25.000.000 đồng tiêu xài. Nghe P nói thì cả 3 đồng ý không giúp Bầy E nữa. P tiếp tục chửi thề lớn tiếng với thái độ hung hăng đe dọa Bầy E kêu Bầy E phải trả tiền lại. Buộc Bầy E dẫn đến chỗ H và T. Lúc này S không giúp Bầy E mà còn lên tiếng nói theo P là Bầy E làm như vậy là sai rồi. Do sợ sự đe dọa của P và nhóm của T, Nguyễn, S giờ đã theo phe của P nên Bầy E dẫn P đến quán Suối Đá. P kêu T chở Bầy E; P chở Nguyễn, S đi một mình, D chở T cùng đi đến quán Suối Đá, T do bận công việc nên không đi đến quán Suối Đá; thấy chuyện hiếu kỳ nên Lượng đi đến quán Suối Đá để xem.

Tại lầu 1 quán Suối Đá thuộc khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau thì S lấy tờ phôi số ra nói với H và T: Đây là phôi số đã ghi thêm số trúng nè, còn Nguyễn ngồi ngoài chặn lối đi của H, T và điện thoại thông báo cho T biết về việc đòi lại tiền trúng số của P. T ngồi bàn đối diện để chặn lối đi ra của H và T. Tiếp đó P dùng tay chỉ trỏ và dùng nhiều lời lẽ thô tục chửi, hăm dọa Bầy E, H và T với thái độ hung hăng làm cho cả 3 người rất hoảng sợ. T và D dùng nhiều lời lẽ thô tục chửi Bầy E, H và T với thái độ rất hung hăng, D và T buộc Bầy E, H, T trả lại tiền mới được đi. P buộc H, T tháo vàng ra để đi cầm trả lại tiền trúng số nếu không có tiền, thì sẽ lột hết quần áo của H và T.

Lúc này, H và T rất hoảng sợ với thái độ hung hăng, đe dọa của P, T, D và hoảng sợ về tinh thần vì Nguyễn, S, T bao xung quanh H và T. H tháo một đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 0,6 chỉ và một nhẫn vàng 24K, trọng lượng 0,8 chỉ ra; T tháo một sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 5,5 chỉ cùng với một mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,71 chỉ, S giúp H tháo tiếp một vòng đeo tay vàng 18K, trọng lượng 5,21 chỉ ra để trên bàn. P kêu Bầy E đến lấy số vàng trên và đưa chìa khóa xe cho S để chở Bầy E đi cầm vàng. Trên đường đi cầm vàng, S kêu Bầy

E đưa toàn bộ số vàng cho S cất giữ. S chở Bầy E đến tiệm vàng Huỳnh Trung I ở số 139F, Nguyễn Tất Thành, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau cầm một nhẫn vàng, một sợi dây chuyền vàng và một đôi bông tai được 18.600.000đ. S chở Bầy E đến tiệm vàng Quang S ở số 114, Nguyễn Công Trứ, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau cầm một vòng vàng đeo tay được 9.000.000đ. S chở Bầy E về quán Suối Đá đưa số tiền cầm vàng là 27.600.000đ cùng hai biên nhận cầm vàng cho P. Trong thời gian này, T và Nguyễn liên tiếp gọi điện thoại cho nhau thông báo cho T biết là đã lấy được tiền và kêu T đến nhận tiền của P. T đi đến quán Suối Đá gặp P thì P đưa cho T 25.00.000đ đúng như lời hứa ban đầu với T, Nguyễn, S không can thiệp việc làm của P mà còn giúp sức cho P trên thực tế nên P cho thêm S số tiền 1.000.000đ. Lấy tiền xong, T, Nguyễn, S bỏ về nhà. P giữ 1.600.000đ trong số tiền cầm vàng có được.

Tiếp đó P buộc Bầy E phải đưa 250.000.000đ mới được về. Bầy E nói không có tiền, nên P yêu cầu đi cầm xe. Do sợ P đánh nên Bầy E đồng ý đi cầm xe, P kêu T chở Bầy E đi cầm xe và kêu D chạy theo. Do xe biển số ở ngoài tỉnh nên không ai đồng ý cầm. Trên đường đi cầm xe, T buộc Bầy E giao giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy phép lái xe cho T cất giữ và chở Bầy E về quán Suối Đá. Tại đây, P chửi Bầy E và buộc Bầy E đưa số tiền 20.000.000đ, buộc H đưa số tiền 25.000.000đ, buộc T đưa 10.000.000đ. Thấy trên tay T có chiếc nhẫn vàng nên P và D buộc T tháo nhẫn ra và định giá là 5.000.000đ khi nào có tiền thì mang đến chuộc lại. Do không có đưa tiền thì P không cho T về, nên T phải tháo một nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,3 chỉ ra đưa cho P và P đưa cho D cất giữ. Bầy E và H không có tiền đưa nên P kêu đưa Bầy E và H cùng với xe mô tô hiệu AirBlade biển số 94D1 – 249.89 về nhà T khi nào gia đình đem tiền đến đưa mới được về nhà.

Nghe theo sự sắp đặt của P, T điều khiển xe mô tô biển số 94D1 – 249.89 chở Bầy E, P điều khiển xe chở H và D chở T về nhà của T. Tại nhà T, T cất chìa khóa và giấy tờ xe của Bầy E, P nói với Bầy E: Không có tiền đưa thì để xe lại giữ, khi nào có 15.000.000đ thì đến chuộc lại xe. Đồng thời T dẫn xe mô tô biển số 94D1 – 249.89 của Bầy E đến trước nhà T đậu, D đưa chiếc nhẫn vàng của H cho T cất giữ. Tại thời điểm này, T đến Công an Phường 8, thành phố Cà Mau trình báo nên Công an phường 8 mời tất cả về làm việc.

Qua làm việc Dương Ngọc T đã giao nộp một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng; tạm giữ của Phan Thanh P một hợp đồng cầm cố tài sản của tiệm vàng Quang Sang và một giấy cầm đồ của tiệm vàng Huỳnh Trung I.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11 ngày 06/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cà Mau kết luận như sau:

- Một nhẫn vàng 24K trọng lượng 0,8 chỉ, có giá là 4.230.000 đồng/chỉ: 0,8 chỉ x 4.230.000đ = 3.384.000đ;

- Một vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 5,21 chỉ, có giá là 2.700.000 đồng/chỉ: 5,21 chỉ x 2.700.000đ = 14.067.000 đ;

- Một đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 0,6 chỉ, có giá là 2.700.000 đồng/chỉ: 0,6 chỉ x 2.700.000đ = 1.620.000 đ;

- Một sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 5,5 chỉ, có giá là 2.700.000 đồng/chỉ: $5,5 \text{ chỉ} \times 2.700.000\text{đ} = 14.850.000 \text{ đ}$;

- Một mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1,71 chỉ, có giá là 2.700.000 đồng: $1,71 \text{ chỉ} \times 2.700.000\text{đ} = 4.617.000 \text{ đ}$;

- Một nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,3 chỉ, có giá trị là 2.700.000 đồng/chỉ: $1,3 \text{ chỉ} \times 2.700.000\text{đ} = 3.510.000\text{đ}$;

- Một xe mô tô hiệu AirBlade biển số 94D1 – 249.89 giá trị còn lại là 40%: $45.000.000\text{đ} \times 40\% = 18.000.000\text{đ}$.

Tổng cộng 60.048.000đ.

Ngày 09/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau tạm giữ của Lâm Văn Bảy E một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, một xe mô tô hiệu AirBlade màu đỏ đen biển số 94D1 – 249.89; tạm giữ của Dương Ngọc T một điện thoại di động hiệu I Phone màu trắng đã qua sử dụng; tạm giữ của Phan Thanh P một điện thoại di động hiệu VTRETU đã qua sử dụng.

Ngày 10/6/2019, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau, Phan Thanh P đã nộp số tiền Việt Nam 25.000.000đ.

Ngày 10/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau thu giữ đoạn camera an ninh tại quán Suối Đá thể hiện các bị can có hành vi đe dọa cưỡng đoạt tài sản của các bị hại.

Ngày 05/7/2019, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau Lâm Văn Bảy E đã nộp số tiền Việt Nam 20.000.000đ.

Ngày 05/7/2019 và ngày 05/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau đã trả lại cho Lâm Văn Bảy E một giấy chứng minh nhân dân mang tên Lâm Văn Bảy Em, một xe mô tô hiệu AirBlade biển số 94D1 – 249.89.

Ngày 22/10/2019 bà Tô Mỹ D chủ tiệm vàng Quang Sang đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau một vòng kim loại màu vàng có khóa gài. Hiện bà D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000đ và lãi suất cầm vàng là 3%

Ngày 09/4/2020, Huỳnh Vĩnh T chủ tiệm vàng Huỳnh Trung I đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng khoen cài có chữ A Hoa; một mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt hình tròn, có hạt đá màu đen, ở trên khoen có chữ A Hoa; một đôi bông tai kim loại màu vàng, kiểu tròn ten; một nhẫn bằng kim loại màu vàng có hình con heo. Hiện anh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.600.000đ và lãi suất 2,5%.

Ngày 30/4/2020 ông Huỳnh Văn Chiến là cha ruột Huỳnh Tấn T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau số tiền Việt Nam 4.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2021/HS-ST ngày 05 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Phan Thanh P phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Phan Thanh P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 18/9/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 và điểm b khoản 2 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc Tuyền phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Dương Ngọc Tuyền 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, hình phạt chung bị cáo Dương Ngọc Tuyền phải chấp hành 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 18/9/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Phùng Duy T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Phùng Duy T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 29/4/2020.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Diễm phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Diễm 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Nguyễn Hồng Diễm chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Lâm Văn Bầy E phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Lâm Văn Bầy E 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Lâm Văn Bầy E chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Hòn phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Hòn 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Đỗ Thị Hòn chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015:

Bà Tô Mỹ D được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau nhận số tiền được các bị cáo bồi thường số tiền 12.150.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng);

Ông Huỳnh Vĩnh T được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau nhận số tiền được các bị cáo bồi thường số tiền 25.110.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm mười ngàn đồng).

- Đối trừ khoản tiền các bị cáo đã nộp và trách nhiệm bồi thường:

Bị cáo Phan Thanh P được nhận lại 18.285.000đ (Mười tám triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng);

Bị cáo Dương Ngọc Tuyền nhận lại 8.085.000đ (Tám triệu không trăm tám mươi lăm ngàn đồng);

Bị cáo Nguyễn Hồng Diễm nhận lại 4.185.000đ (Bốn triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng);

Bị cáo Phùng Duy T nhận lại 5.085.000đ (Năm triệu không trăm tám mươi lăm ngàn đồng);

Bị cáo Dương Ngọc Tuyền có quyền yêu cầu S trả lại 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm đồng), Tài trả lại 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Lâm Văn Bảy E nộp tiền thu lợi bất chính 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Đỗ Thị H nộp tiền thu lợi bất chính 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng) để sung quỹ nhà nước.

Buộc bà Lâm Hồng Thủy (Quyên) nộp tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử phạt các bị cáo Lâm Văn S 01 năm tù, Huỳnh Tấn T 01 năm tù; tuyên về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/03/2021 bị cáo Nguyễn Hồng D kháng cáo xin hưởng án treo;

Ngày 17/03/2021 bị cáo Phan Thanh P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 19/03/2021 bị cáo Lâm Văn Bảy E kháng cáo xin hưởng án treo;

Ngày 19/03/2021 bị cáo Đỗ Thị H kháng cáo xin xem xét lại các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 17/03/2021 bị cáo Dương Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 14/10/2021 bị cáo Dương Ngọc T có đơn xin rút kháng cáo; ngày 25/10/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 03/2021/HSPT-QĐ, Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Dương Ngọc T (bút lục 1333).

Ngày 17/03/2021 bị cáo Phùng Duy T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 24/9/2021 bị cáo Phùng Duy T có đơn xin rút kháng cáo; ngày 04/10/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 02/2021/HSPT-QĐ, Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phùng Duy T (bút lục 1331).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phan Thanh P bổ sung kháng cáo, bị cáo cho là cơ quan tố tụng đưa bị cáo lên đầu vụ là không đúng và bị cáo không tham gia trong việc chiếm đoạt chiếc xe Air Blade của ông Bảy Em. Bị cáo P yêu cầu phải xác định mỗi bị cáo chiếm đoạt là bao nhiêu tiền, bản án sơ thẩm không thể hiện xe Air Blade biển số 94D124989 ai đang giữ, xử lý như thế nào. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Hồng D cung cấp tình tiết mới chứng minh bị cáo là lao động chính trong gia đình, xin được hưởng án treo.

Bị cáo Đỗ Thị H kêu oan, bị cáo xác định không có hùn tiền đánh bạc với ông Bảy Em mà chỉ cho ông Bảy Em mượn tiền.

Bị cáo Lâm Văn Bảy E xuất trình chứng cứ mẹ ruột là bà Trương Thị Lộc là mẹ Liệt sỹ. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS-ST ngày 05/03/2021 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng D, Luật sư Ngô Đình Chiến trình bày: D là con dâu bà T và sống chung nhà với bà T, D nghĩ ông Bảy E lừa bà T nên bênh vực, chửi ông Bảy E và khi T chở Bảy E đi cầm xe thì D chạy theo để chở T về chứ không đe dọa ông Bảy E. Bị cáo nuôi 03 con nhỏ, lao động chính trong gia đình, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu nên bị xử phạt 01 năm tù là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo D hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Hòn, Luật sư Lê Minh Châu trình bày: Bị cáo H chỉ tham gia đánh bạc 10 ngàn đồng, bị cáo không có hùn với Bảy E để đánh bạc, số tiền 14.000.000 đồng Bảy E đưa cho H là tiền Bảy E mượn 1.400.000 đồng, còn lại Bảy E cho bị cáo. Tại phần nhận định, trang 11 của bản án sơ thẩm xác định số tiền H đánh bạc là bao gồm 14.140.000 đồng tham gia cùng Bảy E và 980.000 đồng tự bị cáo H ăn thua với T, tổng số tiền là 16.380.000 đồng là không đúng. Ngoài ra án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào cho bị cáo H là chưa chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm hoặc tuyên bị cáo H không phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn Bảy E, Luật sư Trần Chí Thiện trình bày: Bị cáo Bảy E cũng là bị hại trong vụ án, án sơ thẩm cho là bị cáo không thật thà khai báo là thiệt thòi cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết mới, mẹ bị cáo là mẹ Liệt sỹ, bị cáo là người cao tuổi, bị nhiều bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm S khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm án cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức án nhẹ hơn án sơ thẩm và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của các bị cáo Phan Thanh P, Nguyễn Hồng D, Đỗ Thị H, Lâm Văn Bảy E thấy rằng:

[1.1] Đối với bị cáo P bị cáo cho rằng không tham gia trong việc chiếm đoạt chiếc xe hiệu Air Blade biển số 94D124989 của ông Lâm Văn Bảy E. Xét trong vụ án cưỡng đoạt tài sản, bị cáo P giữ vai trò chính trong việc cưỡng đoạt tài sản của các bị hại Bảy E, H và T. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận trước khi T chở

Bây E và D đi cùng để buộc Bây E cầm xe thì bị cáo vẫn có mặt tại quán Suối Đá. Lời khai của T, D và Bây E tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa đều xác định chính bị cáo Phan Thanh P là người buộc Bây E đi cầm xe, P kêu T chở Bây E và kêu D đi cùng để sau khi cầm được xe thì D chở T về (tại bút lục 177 và 476). Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai không tham gia vào việc chiếm đoạt xe của Bây E là không có cơ sở chấp nhận.

Việc bị cáo P yêu cầu các cơ quan tố tụng phải xác định mỗi bị cáo chiếm đoạt bao nhiêu tiền là không cần thiết, bởi lẽ bị cáo cùng đồng phạm chiếm đoạt nhiều tài sản của nhiều người nên bị cáo cùng các đồng phạm phải chịu trách nhiệm trên tổng số tài sản bị chiếm đoạt.

Bị cáo cho là cơ quan tố tụng đưa bị cáo lên đầu vụ để xử bị cáo mức án nặng là không đúng, bởi lẽ khi xét xử cấp sơ thẩm ngoài việc cân nhắc hành vi phạm tội của bị cáo với vai trò chính, chủ động chỉ đạo các bị cáo khác, cũng cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, bị cáo có cha là ông Phan Văn An là thương binh, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra.

Việc bị cáo cho rằng án sơ thẩm không thể hiện chiếc xe Air Blade biển số 91D1-249.89 của bị hại Bây E ai đang giữ và xử lý như thế nào, là không đúng. Tại trang 8 của Bản án sơ thẩm đã ghi nhận chiếc xe mô tô hiệu Air Blade biển số 91D1-249.89 và các giấy tờ của ông Lâm Văn Bây E đã được cơ quan điều tra trả lại cho ông Lâm Văn Bây E vào ngày 05/7/2019 và ngày 05/8/2019.

[1.2] Đối với bị cáo D cấp sơ thẩm đã xem xét những tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục thiệt hại; bị cáo phạm tội do bệnh vực bị cáo Tuyền, do bị cáo sống chung cùng bị cáo Tuyền; bị cáo có vai trò đồng phạm thứ yếu; hiện bị cáo đang là người trực tiếp nuôi con; có nhiều thành tích trong công tác giáo dục; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó cấp sơ thẩm mới áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (Bị cáo bị truy tố khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự với mức án 03 đến 10 năm, án sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là mức án khởi điểm của khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự) là tương xứng với hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Việc bị cáo đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, việc này sẽ được các cơ quan chức năng xem xét trong quá trình bị cáo thi hành án.

[1.3] Đối với bị cáo Đỗ Thị Hòn, tuy tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo xác định không hùn đánh đề với bị cáo Bây E, bị cáo chỉ cho Bây E mượn tiền, bị cáo chỉ tham gia mua 10.000 đồng số 19 lô, nhưng tại nhiều lời khai của bị cáo H và bị cáo Bây E tại Cơ quan Cảnh sát điều tra thể hiện qua các bút lục số 162, 164, 470, 473, 526 đều phù hợp với nhau, thể hiện bị cáo H khai đã hùn đánh đề 200.000 đồng con số đầu 89 cùng với bị cáo Bây E và sau khi nhận được tiền, bị cáo Bây E có gọi điện cho bị cáo báo là trúng số đầu 89 và đưa cho bị cáo số tiền

14.000.000 đồng (tương đương tiền trúng số của số tiền xác 200.000 đồng). Như vậy, số tiền bị cáo H tham gia đánh bạc được xác định 1.400.000 đồng tiền xác hùn với bị cáo Bảy E cộng với 14.000.000 đồng tiền trúng số cùng với Bảy E cộng với 180.000 đồng tiền xác bị cáo đánh riêng (số lô, con số 19) cộng 800.000 đồng bị cáo trúng số lô con số 19, tổng số tiền bị cáo H đánh bạc được xác định là 16.380.000 đồng. Từ đó, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo H là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần nhận định của án sơ thẩm (tại dòng thứ 16 trang 11 đếm từ trên xuống) xác định “Tiền đánh bạc của H là 14.140.000 đồng tham gia cùng Bảy E và 980.000 đồng tự bị cáo H ăn thua với T” là có sự nhầm lẫn về số học, tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng xác định tổng số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo H vẫn là 16.380.000 đồng. Việc nhầm lẫn số học này không làm thay đổi bản chất vụ án nên cấp phúc thẩm xác định lại số tiền đánh bạc của bị cáo H cụ thể theo từng lần cho đúng.

Việc bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội là không căn cứ, nên cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng. Tuy nhiên, án sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo có mẹ là thương binh để xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” là mức án khởi điểm của khung hình phạt, là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, không oan.

[1.4] Đối với bị cáo Lâm Văn Bảy E, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thay đổi lời khai, bị cáo xác định bị cáo H cho bị cáo mượn tiền để đánh bạc chứ không phải hùn với bị cáo để đánh bạc, là không có căn cứ như nhận định trên đối với bị cáo H. Việc bị cáo thay đổi lời khai không có căn cứ, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án nên cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng. Tuy nhiên, việc bị cáo bị bệnh nhiều, sức khỏe yếu đã được cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt là 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết mới gia đình có công cách mạng (mẹ bị cáo là mẹ của Liệt sỹ), tình tiết này cũng thuộc tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” đối với bị cáo là tương xứng nên cấp phúc thẩm không xem xét chấp nhận để giảm nhẹ thêm cho bị cáo. Việc bị cáo là người già (trên 60 tuổi), bị bệnh nhiều và sức khỏe yếu sẽ được xem xét trong quá trình bị cáo thi hành án.

[2] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thanh P xin giảm nhẹ hình phạt; Nguyễn Hồng D, Lâm Văn Bảy Em xin được hưởng án treo; Đỗ Thị H kêu oan.

[3] Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thanh P, Nguyễn Hồng D, Đỗ Thị H, Lâm Văn Bảy Em.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2021/HS-ST ngày 05 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần hình phạt đối với các bị cáo Phan Thanh P, Nguyễn Hồng D, Đỗ Thị H, Lâm Văn Bảy Em.

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt cáo Phan Thanh P 04 (bốn) năm tù về tội “Cưỡng Đoạt tài sản” .
Thời hạn tù được tính kể từ ngày 18/9/2019.

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng D 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Nguyễn Hồng D chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn Bảy E 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Lâm Văn Bảy E chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị H 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Đỗ Thị H chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phan Thanh P, Nguyễn Hồng D, Đỗ Thị H, Lâm Văn Bảy Em mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh